

CTY CP CHẾ BIẾN THỦY SẢN
XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04 /BC-BKS

Kiên Giang, ngày 12 tháng 4 năm 2019

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty CP Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Ngô Quyền đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam và báo cáo hoạt động của Công ty; Các kiểm soát viên đã họp và nhất trí thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty CP Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Ngô Quyền với các nội dung như sau:

I. Kết quả tình hình hoạt động và tài chính của Công Ty:

1. Về kết quả thẩm định báo cáo tài chính:

Vấn đề cần nhấn mạnh của kiểm toán, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 18.999.240.934 đồng do Công ty vay ngắn hạn để đầu tư vào tài sản dài hạn. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai cũng như việc tái cấu trúc lại nguồn vốn của Công ty.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2018	TH/KH	Thực hiện 2017	Thực hiện 2018 so 2017	
			(%)		(+/-)	(%)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	179.503.891.646	243.214.505.000	73,80%	210.348.225.297	(30.844.333.651)	85,34%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	179.503.891.646	243.214.505.000	73,80%	210.348.225.297	(30.844.333.651)	85,34%
4. Giá vốn hàng bán	163.311.009.767	220.121.187.000	74,19%	194.283.736.607	(30.972.726.840)	84,06%
5. Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	16.192.881.879	23.093.318.000	70,12%	16.064.488.690	128.393.189	100,80%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	555.255.936	-		405.350.032	149.905.904	136,98%
7. Chi phí tài chính	3.940.423.321	4.400.000.000	89,56%	4.304.352.855	(363.929.534)	91,55%

trong đó chi phí lãi vay	3.586.926.657			3.987.697.670	(400.771.013)	89,95%
8. Chi phí bán hàng	5.796.371.967	8.269.293.000	70,10%	5.998.973.392	(202.601.425)	96,62%
9. Chi phí QLDN	4.831.261.545	6.566.792.000	73,57%	5.475.063.737	(643.802.192)	88,24%
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	2.180.080.982	3.857.233.000	56,52%	691.448.738	1.488.632.244	315,29%
11. Thu nhập khác	-	-		0	0	
12. Chi phí khác	656.358.569	-		0	656.358.569	
13. Lợi nhuận khác	(656.358.569)	-		0	(656.358.569)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.523.722.413	3.857.233.000	39,50%	691.448.738	832.273.675	220,37%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		771.447.000	0,00%	-	0	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.523.722.413	3.085.786.000	49,38%	691.448.738	832.273.675	220,37%

Bảng kết quả kinh doanh thể hiện kết quả thực hiện các chỉ tiêu doanh thu, chi phí và lợi nhuận của Công ty như sau:

- Doanh thu thuần đạt 73,8% so với kế hoạch, đạt 85,34% so với thực hiện cùng kỳ (tương ứng giảm 30.844.333.651 đồng);

- Giá vốn hàng bán 74,19% so với kế hoạch, đạt 84,06% so với thực hiện cùng kỳ (tương ứng giảm 30.972.726.840 đồng);

- Chi phí bán hàng chỉ chiếm 70,1% so với kế hoạch, chiếm 96,62% so với thực hiện cùng kỳ năm trước (sụt giảm tương đương 202.601.425 đồng);

- Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 73,57% so với kế hoạch, chiếm 88,24% so với cùng kỳ năm trước (tương đương giảm 643.802.192 đồng);

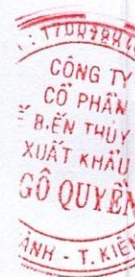
Từ những yếu tố nêu trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 49,38% so với kế hoạch, nhưng đạt 220,37% so với thực hiện cùng kỳ (tương đương tăng 832.273.675 đồng).

3. Tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2018:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
TÀI SẢN				
A- Tài sản ngắn hạn	100		63.684.156.768	59.968.653.634
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.395.254.129	1.017.971.253
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.500.000.000	2.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.340.931.684	32.601.096.558

1. Phải thu khách hàng	131	5.3	12.733.481.644	27.383.738.298
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	1.081.097.555	511.461.000
3. Phải thu khác	136	5.5	5.905.796.759	5.042.831.534
4. Dự phòng p.thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(379.444.274)	(336.934.274)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	39.142.125.500	22.686.369.203
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.305.845.455	1.163.216.620
B- Tài sản dài hạn	200		43.632.060.711	46.672.013.861
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		42.953.211.015	45.787.260.792
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	38.607.495.124	41.941.223.860
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	587.062.584	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	3.758.653.307	3.846.036.932
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		678.849.696	884.753.069
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		107.316.217.479	106.640.667.495
NGUỒN VỐN				
A- Nợ phải trả	300		82.847.022.702	83.405.172.294
I. Nợ ngắn hạn	310		82.683.397.702	82.996.422.294
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	21.601.358.605	23.270.213.503
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	2.000.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	127.150.092	194.458.802
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	1.115.763.791	1.093.119.253
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16.1	57.839.125.214	58.438.630.736
II. Nợ dài hạn	330		163.625.000	408.750.000
B- Nguồn vốn chủ sở hữu	400		24.469.194.777	23.235.495.201
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	24.469.194.777	23.235.495.201
1. Vốn góp chủ sở hữu	411		22.998.540.000	19.999.440.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	324.907.245
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.470.654.777	2.911.147.956
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		107.316.217.479	106.640.667.495



4. Một số chỉ tiêu tài chính:

Chỉ tiêu	2018	2017	+/-
1. Khả năng thanh toán (lần)			
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	0,77	0,72	0,05
- Khả năng thanh toán nhanh	0,30	0,45	(0,15)
2. Về cơ cấu nguồn vốn (%)			

- Tỷ số Nợ so với Tổng tài sản	77,20%	70,88%	-5,21%
- Tỷ số Nợ so với Vốn chủ sở hữu	338,58%	358,96%	-20,38%
3. Tỷ số sinh lợi (%)			
- Lợi nhuận sau thuế trên Doanh thu thuần	0,85%	0,33%	0,52%
- Lợi nhuận sau thuế trên Tổng Tài sản	1,42%	0,65%	0,77%
- Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu	7,94%	2,98%	4,96%

Số liệu tại Bảng cân đối kế toán thời điểm 31/12/2018 và một số chỉ tiêu tài chính đã phản ánh tình hình tài chính của Công ty như sau:

Tổng tài sản 107.316.217.479 đồng có nguồn hình thành từ nợ phải trả 82.847.022.702 đồng và vốn chủ sở hữu 24.469.194.777 đồng. Tài sản ngắn hạn của Công ty 63.684.156.768 đồng không đủ thanh toán cho nợ ngắn hạn 82.683.397.702 đồng. Công ty dùng nguồn vốn ngắn hạn để đầu tư tài sản dài hạn, giá trị đầu tư tài sản dài hạn là 43.632.060.711 đồng cao hơn nguồn vốn dài hạn 18.999.240.934 đồng, cho thấy Công ty có cơ cấu nguồn vốn chưa hợp lý đang bị mất cân đối về vốn.

Bên cạnh đó, tỷ lệ nợ phải trả trên vốn CSH thời điểm 31/12/2018 là trên 3 lần cho thấy hoạt động của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào nguồn vay, mức độ độc lập về vốn thấp. Việc cơ cấu nguồn vốn chưa hợp lý, mất cân đối giữa nguồn vốn dài hạn và đầu tư tài sản dài hạn làm cho Công ty bị phụ thuộc rất nhiều vào tín dụng ngắn hạn tại các ngân hàng, điều này sẽ làm cho Công ty gặp rất nhiều rủi ro trong thanh toán nhanh và thanh toán ngắn hạn.

Về khả năng thanh toán: hệ số khả năng thanh toán nhanh của Công ty chỉ ở mức 0,3 (mức trung bình 0,5) và hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn 0,77 (mức trung bình 1), cho thấy tính thanh toán ngắn hạn và tức thời dưới mức trung bình, tài sản ngắn hạn không đủ bù đắp cho nợ ngắn hạn.

Các chỉ tiêu hiệu quả: nhóm chỉ tiêu này cho thấy công tác sử dụng vốn và sử dụng tài sản của Công ty đều cải thiện so với cùng kỳ năm trước. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần, lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản và lợi nhuận sau thuế / Vốn CSH lần lượt đạt mức 0,85%; 1,42% và 7,94%, cụ thể là từ 100 vốn chủ sở hữu tạo ra được 7,94 đồng lợi nhuận sau thuế tăng 4,96 đồng so với năm 2017.

II. Nhận xét và kiến nghị:

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Ngô Quyền vào ngày 31/12/2018:

- Lợi nhuận sau thuế đạt 49,38% so với kế hoạch, nhưng đạt 220,37% so với thực hiện cùng kỳ (tương đương tăng 832.273.675 đồng) tương ứng lãi cơ bản trên cổ phiếu tăng 263 đồng; mặc dù doanh thu thuần giảm 14,66% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Với kết quả trên đã cho thấy tình hình hoạt động của Công ty đang từng bước khắc phục so với năm 2017.

* Kiến nghị:

Dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, Ban kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

- Thường xuyên tổ chức họp HĐQT, HĐQT nên giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban điều hành, từ đó giải quyết kịp thời các đề xuất, kiến nghị của Ban điều hành phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh;

- Hội đồng quản trị cần có giải pháp cơ cấu lại nguồn vốn cho hợp lý;

- Kiến nghị Ban điều hành mở rộng sản xuất kinh doanh với mặt hàng Chả cá hiện mang lại lợi nhuận khả quan cho Công ty, mở rộng thị trường, tìm kiếm thêm khách hàng mới...

- Bên cạnh đó Ban điều hành nên có những biện pháp cụ thể, tích cực hơn nữa để đẩy nhanh công tác thu hồi nợ, kiểm soát chặt chẽ công nợ phải thu tránh tình trạng bị chiếm dụng vốn trong thời gian dài hoặc xảy ra nợ xấu làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Giữ hàng tồn kho ở mức tối ưu, đẩy nhanh vòng quay hàng tồn kho và vòng quay các khoản phải thu nhằm cải thiện khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty trong thời gian tới.

Trên đây là báo cáo quá trình thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2018, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT Công ty;
- Ban TGD Công ty;
- Lưu: VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT



Nguyễn Thị Bạch Dương